

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 02 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Điền

Bà Quách Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yển - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp P, xã H, huyện, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1971; cư trú tại: Korea (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Phòng Hộ tịch Hàn Quốc và được Tổng Lãnh sự quán Hàn Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 29/6/2005. Sau khi kết hôn đến ngày 15/8/2005 thì chị A sang Hàn Quốc chung sống với anh B khoảng 7 - 8 tháng. Sau đó chị A và anh B không chung sống với nhau nữa. Đến tháng 7/2007 thì chị A về Việt Nam sinh sống cho đến nay, chị và anh B không còn liên lạc với nhau nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh B, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng cho anh B theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp “Hàn Quốc”. Ngày 07/02/2018, Bộ Tư pháp có Công văn số 458/BTP-PLQT thông báo kết quả ủy thác tư pháp: “...Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do địa chỉ không chính xác”. Sau đó, chị A đã cung cấp địa chỉ mới của anh B: “Korea” và Tòa án tiếp tục thực hiện ủy thác tư pháp. Ngày 27/7/2018, Bộ Tư pháp có Công văn số 2388/BTP-PLQT về kết quả ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền Hàn Quốc có nội dung (kèm bản dịch): “Địa chỉ không rõ”. Đồng thời, tại bản lấy lời khai ngày 30/8/2018, chị A xác định không cung cấp được địa chỉ nào khác của anh B và yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện Việt Nam tại Hàn Quốc đối với anh B. Tòa án tiếp tục gửi văn bản ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Tuy nhiên cho đến nay, Tòa án không nhận được thông báo về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với anh B của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị A cư trú tại Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu yêu cầu ly hôn với anh B có nơi cư trú tại Hàn Quốc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn anh B đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả việc thực hiện tổng đạt cho anh B và đây là lần triệu tập hợp lệ thứ hai nhưng anh B vắng mặt không có lý do và chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh B và chị A.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A đối với anh B: Chị A và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Phòng Hộ tịch Hàn Quốc và được Tổng Lãnh sự quán Hàn Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 29/6/2005, nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh B làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Hàn Quốc chung sống với nhau khoảng 7

- 8 tháng. Sau đó chị A và anh B không chung sống với nhau nữa. Đến tháng 7/2007 thì chị A về Việt Nam sinh sống cho đến nay; giữa chị A và anh B cũng không còn liên lạc với nhau. Xét thấy, giữa chị A và anh B không chung sống với nhau thời gian dài, không còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với B.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chi phí và lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí, lệ phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị A phải chịu 300.000 đồng, chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009556 ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu 200.000 đồng, chị A đã nộp xong theo Biên lai thu số 0001157 ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, không được hoàn lại.

Chi phí ủy thác tư pháp 896.702 đồng, chị A đã nộp xong.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- UBND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Cao Thị Túy Giang